TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2026/QĐST-DS	*Lai Châu, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 48, 205, 210, 211, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 21/2026/TLST-DS, ngày 13/5/2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*;

XÉT THẤY:

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và nội dung thỏa thuận đã được ghi nhận đầy đủ trong Biên bản hòa giải thành. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự được thực hiện hoàn toàn tự nguyện; các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc đối với người thứ ba.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đã đạt được.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, Hà Nội

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch hội đồng quản trị.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q; Số CCCD 0010885088888 - Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 2

Địa chỉ: Tòa nhà V, số G D, phường C, TP Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc Q:

Ông Lê Thành L - Trưởng Bộ phận; Số CCCD 036083000769

Ông Đỗ Mạnh K – Chuyên viên 3; Số CCCD 001096016225

Ông Nguyễn Đình A – Chuyên viên; Số CCCD 011097004464

Ông Giàng A S - Chuyên viên; Số CCCD 011098004351

Bà Hoàng Hương G - Chức vụ: Chuyên viên; Số CCCD 014300005986

Ông Hoàng Văn Đ - Chức vụ: Chuyên viên; Số CCCD 010202006669

Cùng địa chỉ: Tòa nhà V, số G D, phường C, TP Hà Nội

- *Bị đơn:* Ông Đèo Minh G1 sinh năm 2000, Số CCCD 01200000444; Địa chỉ: Tổ D, Phường Đ, Tỉnh Lai Châu (nay là tổ dân phố số B, Phường Đ, Tỉnh Lai Châu).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vùi Ngọc Á, sinh năm 2002, Số CCCD 012300022797; Địa chỉ: Tổ D, phường Đ, tỉnh Lai Châu (nay là tổ dân phố số B, Phường Đ, Tỉnh Lai Châu).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Đèo Minh G1 nhất trí trả cho Ngân hàng TMCP V dư nợ vốn và lãi tính đến ngày 07/8/2026 số tiền 850.401.837 đồng trong đó: Hợp đồng vay với số tiền nợ gốc: 765.601.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.396.105 đồng, nợ lãi quá hạn: 52. 244.402 đồng; Nợ thẻ với số tiền nợ gốc 18.525.522 đồng, nợ lãi: 8.634.808 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Đèo Minh G1 còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh từ ngày 07 tháng 8 năm 2026 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN 25009016339845 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 08/09/2025; Giấy đăng ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh về lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thực hiện việc thanh toán tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Trường hợp ông Đèo Minh G1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Đèo Minh G1 và bà Vùi Ngọc Á nhất trí để ngân hàng V (V2) yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án đối với tài

sản bảo đảm là: 01 Xe oto nhãn hiệu FORD, Ranger Raptor 2.0L AT 4x4, biển số đăng ký 25A-110.35, số khung MPBAMFE60SX698611, số máy YN2RSX698611 thuộc sở hữu của ông Đèo Minh G1 và bà Vùi Ngọc Á, để Ngân hàng TMCP V thu hồi nợ.

- Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán nợ gốc, lãi và các chi phí khác liên quan thì ông Đèo Minh G1 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ.

- Trường hợp ông Đèo Minh G1 thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP V, thì Ngân hàng TMCP V có nghĩa vụ trả lại cho ông Đèo Minh G1 và bà Vùi Ngọc Á toàn bộ bản chính hồ sơ thế chấp nêu tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp. Hợp đồng thế chấp số LN 25009016339845 ngày 08/09/2025 được ký tại Ngân hàng TMCP V với ông Đèo Minh G1 và bà Vùi Ngọc Á chấm dứt hiệu lực khi ông Đèo Minh G1 và bà Vùi Ngọc Á thanh toán xong nợ. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ Trung tâm giao dịch đảm bảo Bộ tư pháp để xóa đăng ký thế chấp.

2. 2. *Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:*

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.756.028 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng*). Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ và bị đơn ông Đèo Minh G1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vùi Ngọc Á cùng thỏa thuận, thống nhất: Ông Đèo Minh G1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 18.756.028 đồng. Do vậy, ông Đèo Minh G1 phải chịu 18.756.028 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.952.433 đồng *(Mười bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng)* theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 00000224 ngày 12/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Lai Châu.

Về các chi phí tố tụng khác: Các bên không phải chịu chi phí tố tụng khác theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1 – Lai Châu;
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu
- Phòng THADS Khu vực 1 – Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Tuyết